

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 10/2020/ HNGĐ - ST

Ngày: 29 – 9 - 2020

V/v: “*Xin ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Minh

2. Bà Trịnh Thị Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nghiêm Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020. Tại Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/QĐST - HNGĐ ngày 24/8/2020 và Quyết định hoãn số: 05/2020/QĐST - HNGĐ giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Ka R, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có mặt*”.

\* Bị đơn: Anh K’ T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Vắng mặt*”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2020 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì chị Ka R trình bày:*

Chị và anh K’ T tự nguyện sống chung với nhau một thời gian trước hôn nhân đến năm 2006 mới đăng kết hôn tại UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị không hạnh phúc nên thường xuyên cãi vã và chị đã tự ly thân không sống chung với anh T từ năm 2015 cho đến nay. Hiện tại, chị R nhận thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung là Ka H, sinh ngày 22/8/2005 và K’ T1, sinh ngày 09/9/2008. Chị yêu cầu nuôi 02 con chung đồng thời không yêu cầu anh K’ T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Ka R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

\*Bị đơn anh K' T trình bày: Không đồng ý ly hôn ngoài ra anh K' T không có ý kiến gì đối với việc nuôi con chung cũng như vấn đề về tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án như sau:

+ Thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự và vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ka R. Chị Ka R được ly hôn với anh K' T vì tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung: Giao các con chung là Ka H, sinh ngày 22/8/2005 và K' T1, sinh ngày 09/9/2008 cho chị Ka R trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh K' T không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết; Án phí: Chị Ka R phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kiến nghị của các đương sự và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Chị Ka R có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với anh K' T, trú tại thôn L, xã A, huyện Đ. Đây là vụ kiện tranh chấp “ Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh K' T đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên xét xử vắng mặt anh K' T.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka R và anh K' T có quan hệ hôn nhân hợp pháp đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chị Ka R không hợp tính tình nên thường xảy ra mâu thuẫn đến năm 2015 chị và anh K' T đã tự ly thân với nhau cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh K' T nhằm hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh K' T không tham gia hòa giải mà anh T chỉ trình bày tại bản tự khai là không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, anh T tiếp tục vắng mặt và không trình bày ý kiến gì cho thấy anh không có biểu hiện níu kéo cuộc sống hôn nhân với chị Ka R. Xét thấy cuộc sống vợ chồng chị Ka R đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ka R là phù hợp với khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Ka R và anh K' T có 02 người con chung là: Ka H, sinh ngày 22/8/2005 và K' T1, sinh ngày 09/9/2008. Chị yêu cầu nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh K' T cấp dưỡng nuôi con chung. Hai con chung của chị đã trình bày ý kiến xin được ở với mẹ. Anh K' T không có ý kiến gì về việc nuôi con và tại phiên tòa anh K' T

vắng mặt không có lý do. Do vậy, nhằm đảm bảo sự ổn định và các điều kiện phát triển tốt cho con chung nên cần giao các con cho chị Ka R trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Anh Ka T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Ka R và anh K' T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung: Vợ chồng chị Ka R không nợ ai.

[3] Án phí: Chị Ka R phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 150, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ka R đề ngày 30/6/2020.

**1.**Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ka R được ly hôn với anh K' T.

**2.**Về con chung: Giao các con là Ka H, sinh ngày 22/8/2005 và K' T1, sinh ngày 09/9/2008 cho chị Ka R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh K' T không phải cấp dưỡng nuôi con.

*(Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình).*

**3.**Về án phí: Chị Ka R phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0009932 ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo nội dung bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Thi hành án;
- Lưu.

#### **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Mỹ Diễm**

	<b>HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM</b>
--	--------------------------------

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Thủy      Nguyễn Thị Minh**

**Nguyễn Thị Mỹ Diễm**